

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Số: 43/2022/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Tiến T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Các bên đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Tiến T trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị H đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/7/2020. Trước khi kết hôn, cả hai người đều được tự do tìm hiểu. Sau ngày cưới, chị H về làm dâu nhà anh và sinh sống cùng gia đình anh ngay. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau dẫn đến thiếu sự chia sẻ, chị H còn có thái độ hỗn náo với mẹ đẻ của anh. Khi anh góp ý khuyên bảo thì chị H không chịu sửa chữa mà

còn tự ý bỏ ra ngoài thuê trọ sống được một thời gian thì chị H về quê xã T, huyện Y sống. Từ cuối năm 2020, anh và chị H sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả anh và chị H không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T xác định, vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác; khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh T xác định, vợ chồng không có gì nên ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị H, trong quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án về địa phương nơi chị H đang cư trú để làm việc với chị H và người thân của chị H nhiều lần nhưng không gặp được chị H và người thân của chị H nên Tòa án không thể lấy được lời khai của chị H và người thân của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Tiến T, cho anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác; công nợ và công sức: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lương Tiến T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với chị Hoàng Thị H là bị đơn. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án thì yêu cầu khởi kiện của anh T được xác định là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình, chị H đang có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Chị Hoàng Thị H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H theo thủ tục chung. Anh T là nguyên đơn, do đường xá xa xôi đi lại khó khăn nên anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh T xác định, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Căn cứ vào lời trình bày của anh T trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương và Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, Hội đồng xét xử nhận thấy. Anh T với chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của anh T thì giữa anh và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày, anh chị không hiểu nhau, thiếu sự quan tâm chia sẻ rồi mâu thuẫn giữ mẹ chồng nàng dâu dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể lấy được lời khai trực tiếp của chị H trình bày về mâu thuẫn vợ chồng, quan điểm của chị về việc anh T xin ly hôn. Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại xã T, huyện T thấy rằng, trong quá trình chung sống giữa anh T và chị H có phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 đến nay, anh T và chị H sống ly thân với nhau. Xét thấy, chị H có biết việc anh T xin ly hôn với mình nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với anh T. Tòa án đã tìm các biện pháp để làm việc với chị H nhưng chị H không hợp tác, từ chối làm việc với Tòa án. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho anh T được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T và chị H không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không lấy được lời khai của chị H để biết được nguyện vọng của chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Lương Tiến T được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

2/ Về án phí: Anh Lương Tiến T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001313 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh